



Thực trạng hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Thái Anh Sơn

Trường Tiểu học và THCS Sơn Hồng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 23/10/2023

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 18/11/2023

Ngày nhận đăng: 06/12/2023

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Ứng dụng

Công nghệ thông tin

Dạy học

Trường trung học cơ sở

TÓM TẮT

Ứng dụng công nghệ thông tin là yếu tố then chốt trong đổi mới giáo dục. Bài viết này trình bày kết quả khảo sát thực trạng hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tại các trường THCS huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Kết quả khảo sát cho thấy đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhận thức khá tốt về vai trò và tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin. Tuy nhiên, việc triển khai trên thực tế lại bộc lộ nhiều hạn chế sâu sắc. Cụ thể, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin của giáo viên nhìn chung chỉ ở mức trung bình, đặc biệt yếu ở các kỹ năng mang tính sư phạm như thiết kế giáo án điện tử. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mới chỉ dừng lại ở mức độ bề nổi, chủ yếu là trình chiếu bài giảng, trong khi các hình thức hiện đại như dạy học trực tuyến hay kiểm tra đánh giá số còn hạn chế. Nguyên nhân cốt lõi đến từ sự thiếu hụt nghiêm trọng về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Kết quả này là cơ sở để đề xuất các biện pháp quản lý đồng bộ, tập trung vào việc đầu tư hạ tầng và nâng cao năng lực ứng dụng thực chất cho giáo viên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhân loại đã bước sang thế kỷ XXI, thế kỷ có nhiều biến đổi sâu sắc trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, với sự phát triển nhanh chóng về khoa học, kỹ thuật và công nghệ, sự hình thành nền kinh tế tri thức đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Trí tuệ là nguồn tài nguyên quý giá nhất của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh đó, Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT) có vai trò và vị trí đặc biệt quan trọng, là nhân tố quyết định tương lai của dân tộc. Phát triển giáo dục trở thành một nhân tố then chốt trong tất cả chiến lược phát triển đất nước của các quốc gia trên thế giới. Các Nghị quyết của Đảng ta đều khẳng định: “GD-ĐT là quốc sách hàng đầu” (khóa VIII đến khóa XI). Đến Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định “Đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh phát triển, ứng dụng KH-CN; phát huy vai trò quốc sách hàng đầu của GD-ĐT và khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển của đất nước” (Ban chấp hành Trung ương, 2016).

Nghị quyết 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện GD-ĐT đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường nước xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã chỉ rõ: “Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước nhất là về chương trình nội dung và chất lượng GD-ĐT đối với các cơ sở giáo dục của nước ngoài tại Việt Nam, phát huy vai trò của công nghệ thông tin (CNTT) và của thành tựu khoa học công nghệ hiện đại trong quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo” (Ban chấp hành Trung ương, 2013).

Chỉ thị số 29/2001/CT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT cũng đã nêu rõ: “Đối với GD-ĐT, CNTT có tác động mạnh mẽ, làm thay đổi phương pháp, phương thức dạy và học. CNTT là phương tiện để tiến tới một xã hội học tập” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2001). Trong những năm gần đây, nhận thức được vai trò, ý nghĩa quan

Tác giả liên hệ: Thái Anh Sơn;

Địa chỉ e-mail: thaianson76@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.079.2025>

trọng của CNTT, ngành Giáo dục đã đặc biệt chú trọng từng bước đưa CNTT vào ứng dụng trong công tác giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục (Thủ tướng Chính phủ, 2017). Hoạt động ứng dụng CNTT ở các trường trung học cơ sở (THCS) đã đạt được kết quả nhất định, tuy nhiên vẫn còn tồn những hạn chế, bất cập. Bài viết trình bày thực trạng hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường THCS huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh nhằm làm cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong dạy học.

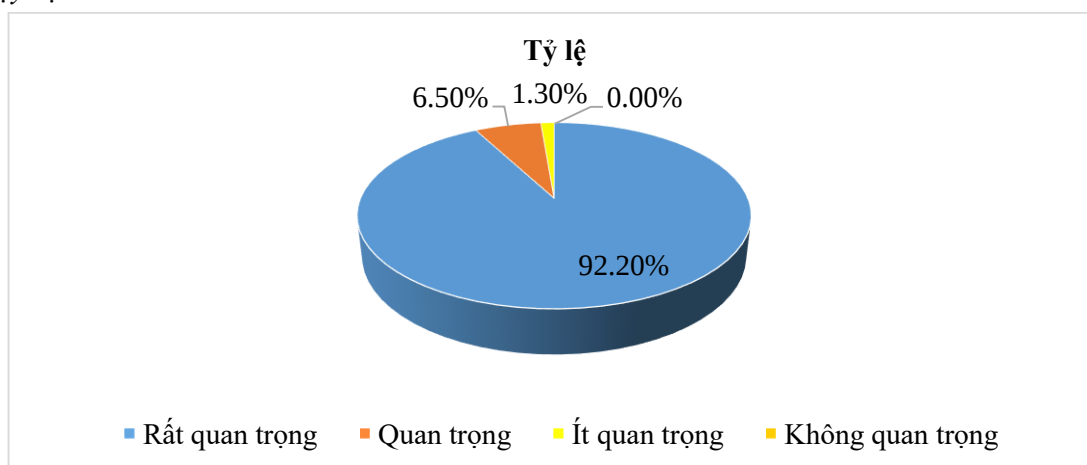
2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khách thể nghiên cứu: Nghiên cứu tiến hành khảo sát 230 cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV) ở các trường THCS huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Phương pháp nghiên cứu: Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu điều tra, sử dụng bảng hỏi để thu thập dữ liệu. Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 4 bậc, tương ứng với điểm từ 1 đến 4. Từ đó, thực trạng được đánh giá theo 4 mức, được quy ước như sau: $1,00 \leq \text{ĐTB} < 1,75$: Không đồng ý, không quan trọng, yếu, không thực hiện, không hiệu quả, không đáp ứng; $1,75 \leq \text{ĐTB} < 2,50$: Đồng ý một phần, quan trọng một phần, trung bình, thỉnh thoảng, ít hiệu quả, Trung bình; $2,50 \leq \text{ĐTB} < 3,25$: Đồng ý, quan trọng, Khá, thường xuyên, hiệu quả, Khá; $3,25 \leq \text{ĐTB} \leq 4,00$: Rất đồng ý, rất quan trọng, Tốt, rất thường xuyên, rất hiệu quả, tốt. Dữ liệu thu được từ phiếu điều tra được xử lý bằng phần mềm SPSS, với các tham số: số lượng, tỷ lệ %, điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC). Bên cạnh đó, phương pháp phỏng vấn được sử dụng để thu thập các thông tin bổ sung cho phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về tầm quan trọng của hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học



Biểu đồ 1. Kết quả khảo sát nhận thức của CBQL, GV về tầm quan trọng của hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học.

Căn cứ kết quả khảo sát trên biểu đồ 1 cho thấy, đội ngũ GV có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THCS. Cụ thể, có 92.2 % CBQL và GV đánh giá *rất quan trọng* và 6.50% *quan trọng*. Bên cạnh đó một số ít GV cho rằng mức độ *ít quan trọng* chiếm 1.30%. Như vậy, có thể kết luận rằng hoạt động ứng dụng CNTT vào hoạt động dạy học ở các trường THCS được đa số GV nhận thức là một yêu cầu quan trọng. Tuy nhiên, số ít (chiếm 1.30%) vẫn chưa có nhận thức đúng đắn về vai trò, ý nghĩa của hoạt động ứng dụng CNTT. Nhận thức trên đây một phần cho thấy GV vẫn chưa nhìn nhận hết được vai trò của CNTT đối với GD-ĐT. Mặt khác nhận thức này cũng có nguyên nhân từ thực tế trong các trường còn có nhiều GV lớn tuổi khó làm quen, cập nhật tính năng mới, phần mềm từ ứng dụng internet,...

3.2. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học

Kết quả khảo sát thực trạng nhận thức về vai trò của CNTT trong hoạt động dạy học tại các trường THCS huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh ở bảng 1 cho thấy hầu hết các vai trò đều được đánh giá rất cao với điểm trung bình dao động từ 3.71 đến 3.92. Trong đó, vai trò “*Tạo điều kiện học tập đa dạng cho HS*” được đánh giá cao nhất có ĐTB là 3.92, đứng thứ 1/5. Nội dung “*Đa dạng hóa hình thức dạy học, giáo dục*” đứng thứ 2, có ĐTB= 3.84 và vai trò đánh giá thấp nhất “*Tạo điều kiện tự học, tự bồi dưỡng của GV*”.

Bảng 1. Kết quả khảo sát nhận thức của CBQL, GV về vai trò của ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học

TT	Vai trò của CNTT trong dạy học	Mức độ đồng ý (%)				ĐTB	ĐLC
		Không đồng ý	Đồng ý một phần	Đồng ý	Rất đồng ý		
1	Đa dạng hóa hình thức dạy học, giáo dục	2.6%	0.0%	7.8%	89.6%	3.84	0.54
2	Tạo điều kiện học tập đa dạng cho HS	0.0%	0.0%	7.8%	92.2%	3.92	0.27
3	Hỗ trợ GV thực hiện dạy học, giáo dục phát triển PC, NL HS một cách thuận lợi và hiệu quả	2.6%	0.0%	5.7%	91.7%	3.87	0.52
4	Tạo điều kiện tự học, tự bồi dưỡng của GV	0.0%	3.0%	22.6%	74.3%	3.71	0.52
5	Hỗ trợ GV trong việc soạn giảng và dạy học	0.0%	0.0%	18.3%	81.7%	3.82	0.39

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Phỏng vấn sâu cô N.L.T, GV Trường THCS Nguyễn Tuấn Thiện cho rằng: “Trong thời đại CNTT phát triển như hiện nay, trước mỗi giờ lên lớp, nếu cần thì chỉ cần vài cái click chuột là chúng tôi đã có trong tay những hình ảnh về các con vật ngộ nghĩnh, những bông hoa tươi đẹp, những hàng chữ và những con số sống động với hiệu ứng của âm thanh và màu sắc. Những công cụ học tập trực quan, sinh động ấy sẽ ngay lập tức thu hút được sự chú ý và kích thích hứng thú của học sinh, cho học sinh được chủ động hoạt động nhiều hơn để khám phá nội dung bài học. Việc ứng dụng CNTT trong quản lý và tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục học sinh đã đạt được một số hiệu quả như: Giảm bớt thời gian tính toán đối với hoạt động thống kê, tổng hợp; tăng lượng bài giảng mang tính sinh động, kích thích hứng thú trong hoạt động đối với học sinh...”.

Đa số GV cho rằng việc ứng dụng CNTT đã hỗ trợ nhiều mặt trong dạy học như: soạn thảo văn bản (giáo án, tài liệu, đề thi...); tính toán, xử lý điểm cho học sinh; truy cập Internet, sưu tầm tài liệu; thiết kế và sử dụng giáo án điện tử; trao đổi thông tin qua thư điện tử (email); sử dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá học sinh; tham gia mạng lưới chuyên môn trực tuyến của nhà trường, của phòng GD-ĐT (Phó Đức Hoà & Ngô Quang Sơn, 2008).

Các tiêu chí về “Hỗ trợ GV thực hiện dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh một cách thuận lợi và hiệu quả; Tạo điều kiện tự học, tự bồi dưỡng của GV” được đánh giá cao, phù hợp với định hướng ứng dụng CNTT trong dạy học tích cực (Phó Đức Hoà & Ngô Quang Sơn, 2008). Điều này cho thấy, đa số CBQL, GV đều nhận thức đúng về vai trò của ứng dụng CNTT vào dạy học đây là tiền đề quan trọng để thực hiện đưa CNTT vào bài giảng, soạn giảng, kiểm tra, đánh giá.

3.3. Thực trạng thực hiện mục tiêu ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Bảng 2. Kết quả khảo sát việc thực hiện mục tiêu ứng dụng CNTT trong dạy học

TT	Mục tiêu	Mức độ đánh giá (%)				ĐTB	ĐLC
		Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
1	Góp phần đổi mới phương pháp dạy và học	7.8%	5.7%	61.3%	25.2%	3.04	0.79
2	Đa dạng hoá các hình thức dạy học	2.2%	70.0%	3.9%	23.9%	2.50	0.88
3	Tạo môi trường giáo dục mang tính tương tác cao, phát triển tư duy sáng tạo và năng lực hoạt động của học sinh	15.2%	66.5%	9.6%	8.7%	2.12	0.76
4	Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập của nhà trường	12.6%	33.0%	47.0%	7.4%	2.49	0.81
5	Nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động dạy, học và kiểm tra đánh giá	37.4%	60.0%	2.6%	0.0%	1.65	0.53

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Dữ liệu ở bảng 2 cho thấy một khoảng cách lớn giữa chủ trương và thực tiễn trong việc thực hiện các mục tiêu ứng dụng CNTT. Mặc dù mục tiêu chung nhất là “Góp phần đổi mới phương pháp dạy và học” được đánh giá ở mức khá (ĐTB = 3.04), nhưng các mục tiêu có tính chiều sâu và tác động trực tiếp đến chất lượng giáo dục lại ở mức thấp. Đáng báo động nhất, mục tiêu “Nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động dạy, học và kiểm tra đánh giá” bị đánh giá ở mức yếu (ĐTB = 1.65), và mục tiêu “Tạo môi trường giáo dục mang tính tương tác cao...” cũng chỉ ở mức trung bình (ĐTB = 2.12). Nguyên nhân sâu xa của thực trạng này là do việc ứng dụng CNTT hiện nay phần lớn vẫn chỉ dừng lại ở bề nổi, tức là thay thế bảng đen phấn trắng bằng các bài trình chiếu, mà chưa thực sự đi vào việc thay đổi cấu trúc bài dạy hay phương thức quản lý. Việc tạo ra một môi trường tương

tác cao đòi hỏi GV phải sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên dụng và có kỹ năng thiết kế hoạt động phức tạp hơn, trong khi việc nâng cao hiệu quả quản lý lại phụ thuộc vào một hệ thống phần mềm đồng bộ mà nhà trường có thể chưa trang bị. Để cải thiện, nhà trường cần chuyển trọng tâm từ việc khuyến khích "số lượng" các bài giảng có ứng dụng CNTT sang nâng cao "chất lượng", bằng cách tổ chức các buổi tập huấn chuyên sâu về cách thiết kế hoạt động tương tác và đầu tư vào các phần mềm quản lý học tập (LMS) để số hóa công tác kiểm tra, đánh giá một cách hiệu quả.

3.4. Thực trạng nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Bảng 3. Thực trạng mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện các nội dung ứng dụng CNTT trong dạy học

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Ứng dụng CNTT vào soạn giáo án và khai thác tư liệu dạy học	2.21	0.86	2.26	0.85
2	Ứng dụng CNTT trong dạy học trên lớp	2.77	0.47	2.77	0.79
3	Ứng dụng CNTT trong dạy ngoài giờ lên lớp	2.12	0.88	2.37	0.63
4	Ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh	2.17	0.84	2.16	0.79
5	Ứng dụng CNTT trong lưu trữ dữ liệu, sản phẩm dạy học	2.32	0.85	2.43	0.87

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Bảng 3 tiếp tục làm rõ hơn thực trạng ứng dụng CNTT còn hạn chế, khi hầu hết các nội dung chỉ được thực hiện ở mức trung bình. Nội dung được thực hiện tốt nhất là “Ứng dụng CNTT trong dạy học trên lớp” (ĐTB = 2.77), nhưng con số này cũng chỉ ở mức khá, cho thấy đây là hoạt động phổ biến nhất nhưng chưa thực sự thường xuyên. Đáng chú ý, các nội dung mang tính nền tảng như “Ứng dụng CNTT vào soạn giáo án và khai thác tư liệu” (ĐTB = 2.21) và đặc biệt là “Ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá” (ĐTB = 2.17) lại ở mức khá thấp. Theo chia sẻ từ ý kiến của cô N.L.A, trường THCS Nguyễn Tuấn Thiện: “Thực tế, việc ứng dụng CNTT vào bài giảng còn nhiều khó khăn, trở ngại phần lớn các GV ngại sử dụng giáo án điện tử, nghĩ rằng sẽ tốn thời gian để chuẩn bị một bài giảng. Việc thực hiện một bài giảng một cách công phu bằng các dẫn chứng sống động trên các slide trong các giờ học lý thuyết là một điều mà các GV không muốn nghĩ đến. Để có một bài giảng như thế đòi hỏi phải mất nhiều thời gian chuẩn bị mà đó chính là điều mà các GV thường hay tránh. Khảo sát từ phía học sinh cho thấy, nếu sử dụng phương pháp dạy học truyền thống với phấn trắng bảng đen thì hiệu quả mang lại chỉ có 30%, trong khi hiệu quả của phương pháp multimedia (nhìn - nghe) lên đến 70%. Việc sử dụng phương pháp mới đòi hỏi một giáo án mới. Thực ra, muốn “click” chuột để tiết dạy thực sự hiệu quả thì GV phải vất vả gấp nhiều lần so với cách dạy truyền thống. Ngoài kiến thức căn bản về vi tính, sử dụng thành thạo phần mềm PowerPoint, Violet, ... GV cần phải có niềm đam mê thật sự với công việc thiết kế đòi hỏi sự sáng tạo, sự nhạy bén, tính thẩm mỹ để săn tìm tư liệu từ nhiều nguồn”.

Để khắc phục, tổ chuyên môn cần xây dựng các nguồn học liệu số dùng chung đã được thẩm định để giảm bớt gánh nặng tìm kiếm tư liệu cho GV. Đồng thời, nhà trường cần tổ chức các buổi tập huấn tập trung vào các công cụ kiểm tra, đánh giá đơn giản nhưng hiệu quả như Google Forms, Quizizz, Kahoot để GV có thể áp dụng ngay vào thực tế.

3.5. Thực trạng phương pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Bảng 4. Thực trạng mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện phương pháp ứng dụng CNTT trong dạy học

TT	Phương pháp	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Phương pháp trực quan qua các phần mềm hỗ trợ, mô phỏng, thí nghiệm ảo	2.44	0.86	2.45	0.83
2	Phương pháp giúp học sinh tự học thông qua sách tham khảo điện tử, giáo trình điện tử, kho học liệu.	2.43	0.89	2.51	0.87
3	Phương pháp soạn giáo án điện tử theo công nghệ E-Learning có sử dụng hình ảnh âm thanh, video, biểu đồ	2.80	0.57	2.56	0.70
4	Phương pháp dạy học trực tuyến trên internet	2.38	0.79	2.02	0.77

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Dữ liệu ở bảng 4 cho thấy các phương pháp ứng dụng CNTT trong dạy học được triển khai ở mức độ không

đồng đều và còn khá hạn chế. Phương pháp phổ biến nhất là "soạn giáo án điện tử theo công nghệ E-Learning..." (ĐTB = 2.80), tuy nhiên hiệu quả mang lại chỉ ở mức tiệm cận khá (ĐTB = 2.56). Điều này cho thấy GV chủ yếu dừng lại ở việc tạo ra các bài trình chiếu mà chưa khai thác sâu các tính năng tương tác. Đáng lo ngại, phương pháp quan trọng trong bối cảnh giáo dục hiện đại là "dạy học trực tuyến trên Internet" lại có điểm số thấp nhất cả về mức độ thực hiện và hiệu quả (ĐTB lần lượt là 2.38 và 2.02). Nguyên nhân là do việc dạy học trực tuyến đòi hỏi một hệ sinh thái đồng bộ từ hạ tầng mạng, thiết bị của cả GV và học sinh, cho đến kỹ năng quản lý lớp học ảo - những điều mà các trường ở khu vực nông thôn, miền núi còn gặp rất nhiều khó khăn. Hơn nữa, thói quen dạy và học trực tiếp đã ăn sâu, khiến cả GV và học sinh đều cảm thấy không thoải mái và hiệu quả khi chuyển sang môi trường trực tuyến. Để cải thiện, cần có một chiến lược tiếp cận theo từng bước: bắt đầu bằng việc khuyến khích GV làm giàu bài giảng trên lớp bằng các phương pháp trực quan, mô phỏng; sau đó, triển khai các mô hình học tập kết hợp (blended learning) đơn giản, giao bài tập và tài liệu qua các nền tảng trực tuyến trước khi tiến tới các buổi học trực tuyến hoàn toàn.

3.6. Thực trạng hình thức ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Bảng 5. Kết quả khảo sát mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện hình thức ứng dụng CNTT trong dạy học

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Hình thức dạy học trên lớp với sự trợ giúp của máy tính và internet	2.60	0.88	2.48	0.99
2	Hình thức dạy học kết hợp trực tuyến và trực tiếp	1.67	0.81	1.60	0.92
3	Hình thức dạy học trực tuyến	2.07	0.65	2.20	0.67
4	Tra cứu thông tin và tài liệu trên internet	2.00	0.82	2.12	0.82
5	Tham khảo sách điện tử vào quá trình dạy học	1.65	0.91	1.80	0.86
6	Trao đổi thông tin dạy học qua email, phần mềm dạy học	2.17	0.71	2.29	0.78

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Bảng 5 cho thấy hình thức thực hiện ứng dụng CNTT trong dạy học của đội ngũ GV tại các trường THCS huyện Hương Sơn, được đánh giá thực hiện chủ yếu ở mức thành thạo (ĐTB từ 1.67 đến 2.60) và hiệu quả chỉ ở mức trung bình (ĐTB từ 1.60 đến 2.48). Hình thức duy nhất được thực hiện ở mức khá thường xuyên là "dạy học trên lớp với sự trợ giúp của máy tính và Internet" (ĐTB = 2.60), trong khi tất cả các hình thức còn lại đều chỉ ở mức không thực hiện hoặc là thành thạo. Đặc biệt, các hình thức đòi hỏi sự chủ động cao của GV và học sinh như "dạy học kết hợp trực tuyến và trực tiếp" (ĐTB = 1.67) và "tham khảo sách điện tử" (ĐTB = 1.65) bị đánh giá mức thực hiện thấp nhất. Nguyên nhân cốt lõi của thực trạng này là do việc ứng dụng CNTT vẫn đang đi theo lối mòn, xem máy tính và máy chiếu như một công cụ hỗ trợ cho bài giảng truyền thống thay vì là một phương tiện để tái cấu trúc lại hoạt động dạy học. Việc thiếu một kho sách và học liệu điện tử dùng chung, cùng với việc chưa có một định hướng rõ ràng từ nhà trường về mô hình dạy học kết hợp, đã khiến GV không có đủ nguồn lực và động lực để thử nghiệm các hình thức mới. Để khắc phục, nhà trường cần tiên phong trong việc xây dựng một thư viện số, tập hợp các sách giáo khoa điện tử, bài giảng tham khảo và các nguồn tài liệu uy tín. Đồng thời, cần đưa mô hình dạy học kết hợp vào kế hoạch chuyên môn của trường, có sự chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ cụ thể để GV mạnh dạn áp dụng.

3.7. Thực trạng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin của giáo viên trong dạy học tại các trường trung học cơ sở huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Kết quả khảo sát về thực trạng kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy học của GV tại bảng 6 được đánh giá ở mức độ trung bình với ĐTB dao động từ 2,14 đến 2,57, tức phần lớn được đánh giá ở mức trung bình. Điều này có nghĩa các GV còn hạn chế trong ứng dụng CNTT vào dạy học. Mặc dù kỹ năng cơ bản nhất là "sử dụng máy tính" có ĐTB cao nhất (2.57), con số này cũng chỉ vừa chạm ngưỡng khá, cho thấy nền tảng kỹ năng chung không thực sự vững chắc. Đáng lo ngại hơn, những kỹ năng có tính ứng dụng sư phạm cao và trực tiếp quyết định chất lượng bài giảng lại ở mức rất thấp, đặc biệt là "Kỹ năng thiết kế và sử dụng giáo án điện tử" (ĐTB thấp nhất: 2.14) và "Kỹ năng khai thác và sử dụng Internet" (ĐTB: 2.20). Nguyên nhân của thực trạng này đến từ nhiều yếu tố đan xen. Theo ý kiến của một CBQL: "Thứ nhất, có một rào cản lớn về tâm lý và thời gian; nhiều GV, đặc biệt là những người lớn tuổi, cảm thấy "ngại" và tốn thời gian khi phải chuẩn bị một bài giảng điện tử công phu so với cách dạy truyền thống. Thứ hai, việc ứng dụng CNTT dường như vẫn mang nặng tính hình thức, chỉ được chú trọng trong các đợt hội giảng hoặc có người dự giờ thay vì trở thành một nhu cầu tự thân và hoạt động thường xuyên trong mỗi tiết học. Thứ ba, công tác tập huấn dù đã được tổ chức nhưng có thể chưa đủ sâu và chưa tập trung vào các kỹ năng thực chiến, khiến GV dù biết các kiến thức cơ bản nhưng lại lúng túng khi áp

dụng vào việc thiết kế bài giảng hay khai thác học liệu.” Để khắc phục, các nhà quản lý cần thay đổi cách tiếp cận một cách toàn diện. Thay vì các lớp tập huấn chung chung, cần tổ chức các buổi đào tạo chuyên sâu theo từng môn học, tập trung vào việc hướng dẫn GV cách xây dựng một giáo án điện tử hiệu quả, cách tìm kiếm và thẩm định nguồn tư liệu đáng tin cậy trên Internet. Đồng thời, cần xây dựng một cơ chế hỗ trợ và khuyến khích thực chất, công nhận và khen thưởng những GV tích cực ứng dụng CNTT trong giảng dạy hàng ngày, thay vì chỉ trong các cuộc thi. Cuối cùng, cần thay đổi công tác quản lý từ việc coi CNTT là một tiêu chí bắt buộc trong phát triển chuyên môn, có sự kiểm tra, giám sát và hỗ trợ thường xuyên để biến kỹ năng này trở thành một phần không thể thiếu trong công việc của mỗi GV.

Bảng 6. Thực trạng kỹ năng ứng dụng CNTT của GV trong dạy học

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá (%)				ĐTB	ĐLC
		Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
1	Kiến thức về CNTT và khả năng cập nhật kiến thức về CNTT	5.2%	74.3%	15.7%	4.8%	2.22	0.60
2	Kỹ năng khai thác và sử dụng Internet	0.0%	86.1%	7.8%	6.1%	2.20	0.53
3	Kỹ năng sử dụng máy tính	6.5%	43.5%	36.5%	13.5%	2.57	0.80
4	Kỹ năng thiết kế và sử dụng giáo án điện tử	20.4%	50.4%	23.9%	5.2%	2.14	0.80
5	Kỹ năng sử dụng phần mềm dạy học	20.9%	28.7%	47.8%	2.6%	2.32	0.83
6	Kỹ năng sử dụng các thiết bị CNTT (máy chiếu đa năng (projector), máy in, máy quay phim, chụp hình kỹ thuật số...) vào các giờ dạy/nội dung dạy học cụ thể	9.1%	43.5%	42.2%	5.2%	2.43	0.73

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

3.8. Thực trạng mức độ đáp ứng của các điều kiện đảm bảo hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Bảng 7. Thực trạng mức độ đáp ứng của các điều kiện đảm bảo hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học

TT	Các điều kiện	Mức độ đáp ứng (%)				ĐTB	ĐLC
		Ít đáp ứng	Trung bình	Khá đáp ứng	Đáp ứng tốt		
1	Cơ sở vật chất (phòng học, các thiết bị, phần mềm, mạng Internet...)	11.7%	27.4%	49.1%	11.7%	2.61	0.84
2	Các quy định cho việc ứng dụng CNTT vào dạy học	21.3%	57.8%	2.6%	18.3%	2.18	0.97
3	Đội ngũ CBQL, GV, nhân viên	5.2%	20.9%	71.3%	2.6%	2.71	0.60
4	Học sinh	6.1%	56.1%	37.8%	0.0%	2.32	0.58
5	Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	53.9%	29.1%	10.9%	6.1%	1.69	0.89

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Bảng 7 cho thấy mức độ đáp ứng về các điều kiện ứng dụng CNTT trong dạy học của đội ngũ GV tại các trường THCS huyện Hương Sơn, được CBQL, GV đánh giá khá thấp (ĐTB từ 1.69 đến 2.71). Dữ liệu chỉ ra một nghịch lý lớn: trong khi điều kiện về con người – “Đội ngũ CBQL, GV, nhân viên” - được đánh giá đáp ứng ở mức khá (ĐTB = 2.71), thì điều kiện cốt lõi về vật chất – “Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học” - lại ở mức yếu (ĐTB chỉ 1.69). Điều này có nghĩa là đội ngũ GV đã sẵn sàng và có ý thức về việc đổi mới, nhưng lại không có đủ “công cụ” trong tay để thực hiện. Nguyên nhân là do nguồn kinh phí của các trường, đặc biệt ở các vùng khó khăn, còn rất eo hẹp, việc đầu tư đồng bộ cho các phòng học thông minh, máy tính cấu hình cao hay đường truyền Internet ổn định là một thách thức lớn. GV H.H.N trường THCS Phan Đình Phùng cho biết: “Về thiết bị như sách, giáo án và các tài liệu phục vụ cho ứng dụng CNTT trong thư viện các nhà trường được quan tâm mua sắm đầy đủ, đối với máy tính, máy chiếu vẫn còn thiếu nhiều chưa đáp ứng với yêu cầu. Đây là vấn đề rất thực tế vì kinh phí mua tài liệu phục vụ dạy học như đĩa CD, sách điện tử, các tài liệu số rẻ hơn kinh phí để mua máy tính, máy chiếu và các thiết bị thông minh khác. Trong quá trình sử dụng, do chưa thành thạo về kỹ thuật nên dẫn đến tình trạng máy móc hư hỏng nhiều, hàng năm bỏ ra rất nhiều kinh phí để sửa chữa và nâng cấp, từ đó ảnh hưởng đến chi phí cho các hoạt động chuyên môn khác.”

Thêm vào đó, nội dung “Các quy định cho việc ứng dụng CNTT” cũng chỉ ở mức trung bình (ĐTB = 2.18), cho thấy sự thiếu vắng các chính sách, quy định rõ ràng để thúc đẩy và tạo hành lang pháp lý cho việc ứng

dụng CNTT. Để giải quyết vấn đề này, cần có một sự đầu tư chiến lược từ cấp cao hơn, không chỉ là các dự án nhỏ lẻ mà cần một kế hoạch tổng thể để nâng cấp hạ tầng CNTT cho các trường. Song song đó, nhà trường cần xây dựng một bộ quy chế cụ thể về việc ứng dụng CNTT, trong đó có các tiêu chí đánh giá, chính sách khen thưởng và cơ chế hỗ trợ rõ ràng để biến chủ trương thành hành động thực chất.

4. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát thực trạng hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THCS huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh ở trên cho thấy: *Trong thời gian qua, hoạt động ứng dụng CNTT ở các trường THCS huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh đã đạt được kết quả nhất định tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế đáng quan tâm: Mặc dù đội ngũ CBQL, GV đã nhận thức được vai trò ứng dụng CNTT trong dạy học nhưng chưa trở thành nhu cầu tất yếu của bản thân; một bộ phận CBQL, GV chưa có điều kiện tiếp cận thường xuyên hoặc chưa nhận thấy được vai trò của hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở mỗi nhà trường; năng lực CNTT của đội ngũ GV chỉ dừng lại ở mức trung bình, đặc biệt sự hạn chế ở các kỹ năng sư phạm chuyên sâu. Điều này dẫn đến việc ứng dụng CNTT trong dạy học mới chỉ ở mức độ bề nổi, chủ yếu là sử dụng bài giảng trình chiếu thay cho bảng đen, mà chưa thực sự làm thay đổi phương pháp dạy học hay tạo ra môi trường học tập tương tác cao. Nguyên nhân sâu xa và là rào cản lớn nhất chính là sự thiếu hụt nghiêm trọng về các điều kiện đảm bảo. Hạ tầng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học được đánh giá ở mức yếu, không đáp ứng được nhu cầu triển khai.*

Những kết quả trên cho thấy, để nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT, việc chỉ tác động vào nhận thức là chưa đủ. Các biện pháp quản lý trong thời gian tới cần phải mang tính đột phá và đồng bộ, tập trung giải quyết các “nút thắt” cốt lõi: một là, đầu tư chiến lược để nâng cấp hạ tầng và thiết bị dạy học; hai là, đổi mới công tác bồi dưỡng theo hướng “thực chiến”, tập trung vào kỹ năng ứng dụng sư phạm; và ba là, thay đổi cơ chế quản lý để khuyến khích và giám sát việc ứng dụng CNTT một cách thực chất trong hoạt động dạy học hàng ngày.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2001). *Chỉ thị số 29/2001/CT-BGDĐT ngày 30/07/2001 về việc tăng cường giảng dạy, đào tạo và ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành giáo dục giai đoạn 2001–2005*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2017). *Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016–2020, định hướng đến năm 2025”*
- Phó, Đ. H., & Ngô, Q. S. (2008). *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích cực*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.

The current status of information technology application in teaching at secondary schools in Huong Son district, Ha Tinh province

Thai Anh Son

Son Hong Primary and Secondary School, Huong Son District, Ha Tinh Province

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<i>Article history:</i> <i>Received: 23 October 2023</i> <i>Received in revised form: 18 November 2023</i> <i>Accepted: 06 December 2023</i> <i>Published: 20 December 2025</i> <i>Keywords:</i> <i>Application</i> <i>Information technology</i> <i>Teaching</i> <i>Secondary schools</i> <i>Corresponding author:</i> <i>Thai Anh Son</i> <i>E-mail address:</i> <i>thaianhson76@gmail.com</i>	Information technology application is a key factor in educational innovation. This article presents the survey results on the current status of information technology application in teaching at secondary schools in Huong Son district, Ha Tinh province. The survey results showed that administrators and teachers had a fairly good awareness of the role and importance of applying information technology. However, the actual implementation revealed many profound limitations. Specifically, teachers' information technology application skills were generally only at an average level, particularly weak in pedagogical skills such as designing electronic lesson plans. The application of information technology in teaching was still superficial, mainly focusing on presenting lectures, while modern forms such as online teaching or digital assessment were limited. The core reason stemmed from a serious shortage of facilities and teaching equipment. These results form the basis for proposing synchronous management measures, focusing on investing in infrastructure and enhancing the practical application capacity for teachers.